

Bản án số: 03/2025/HS-ST

Ngày 06/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: 2// Bùi Nguyên Hải.

Các Hội thẩm quân nhân: 1// Đoàn Văn Duẩn; 4/ Lê Minh Nghĩa.

- **Thư ký phiên tòa:** 2/ Trần Văn Minh, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7.

- **Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 72:** 3/ Võ Thị Thanh Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 21/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T; tên gọi khác: Bồng, Bồng Đ; sinh ngày 03/3/1991 tại Thái Bình; nơi cư trú: xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Phí Thị C; bị cáo có vợ là Vi Thị H và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/9/2024, bị Toà án nhân dân huyện Lạc Dương tuyên xử phạt bị cáo Phạm Văn T 15.000.000 đồng về tội “Huỷ hoại tài sản”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/9/2024 đến ngày 17/9/2024, tạm giam từ ngày 18/9/2024 nay tại Trại Tạm giam K35, QK7; có mặt.

2. Ngô Văn C1; tên gọi khác: Không có; sinh ngày 24/8/1987 tại Hà Nội; nơi đăng ký cư trú: Tổ A, thôn C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Khu tập thể Đ, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 3/QNCN, Trinh sát đặc nhiệm, Đại đội trinh sát, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh L; trình độ văn hóa: Lớp 12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Đ1 và bà Phạm Thị H1; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hiền T2 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu G xử phạt 07 (bảy) năm tù về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số: 26/2024/HS-ST, ngày 13/11/2024; hiện đang thi hành án phạt tù từ ngày 02/6/2023 đến nay tại Trại giam Q khu vực miền N, Quân khu G; có mặt.

- **Người làm chứng:** Nguyễn Mạnh G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5/2023, Nguyễn Mạnh G đến ở cùng với Ngô Văn C1 tại khu tập thể c Trinh sát/BCHQS tỉnh Lâm Đồng, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến chiều ngày 28/5/2023, Nguyễn Mạnh G biết Ngô Văn C1 là người có mối quan hệ xã hội rộng và có uy tín nên G đã nhờ C1 mua nợ 03 triệu đồng tiền ma túy loại Ketamine và thuốc lắc để sử dụng. C1 đồng ý và gọi cho Phạm Văn T (B, B “đen”) để mua nợ ma túy giúp G nhưng T không nghe máy. Đến 19 giờ cùng ngày, T gọi lại cho C1 và hỏi “C1 có việc gì, C1 nói muốn nhờ T đứng ra mua giúp ma túy cho một ông anh (Giàu) của C1 rồi mai C1 trả tiền sau” và T đồng ý. Sau khi được C1 nhờ, T gọi điện cho một người (không xác định được nhân thân lai lịch) để hỏi mua ma túy. Sau đó, C1 gọi lại cho T hỏi “có hỏi được đồ ở đâu không?”. T trả lời là “được”, C1 nói “chiều mai ông anh của anh trả tiền”, T nói “không biết anh của anh là ai”, Công đáp “ngày mai ông anh không trả tiền thì anh trả”. Sau khi nói chuyện xong, C1 nhắn tin cung cấp cho T số điện thoại của G để T trao đổi trực tiếp.

Đến 19 giờ 42 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho G để trao đổi về loại ma túy, địa điểm giao, nhận ma túy. Sau khi thỏa thuận với G, T gọi điện thoại cho người bán để lấy ma túy như G muốn mua và hẹn giao tại nhà hàng S trên đường T, Phường H, tp.Đ, Lâm Đồng. T sử dụng xe mô tô (do T thuê) chạy đến đường T cách nhà hàng S khoảng 300 mét, đứng đợi nhận ma túy. Khoảng 20 – 30 phút thì T nhận được ma túy được để trong bao thuốc lá, T không kiểm tra số lượng ma túy bên trong. Tiền trả tiền ma túy cho người giao (không xác định được nhân thân lai lịch) bằng tiền mặt là 2,5 triệu đồng

Đến 20 giờ 36 phút, T gọi cho G để giao ma túy và nói địa điểm T đang đứng chờ là gần nhà hàng S. T đứng đợi G khoảng 03 - 04 phút thì G điều khiển xe ô tô biển số 49A-49785 (xe thuê) đến chỗ T đứng. Sau đó, G mở cửa kính xe ô tô xuống và T chạy xe mô tô đến đưa trực tiếp số ma túy này cho G, ma túy vẫn được để trong vỏ bao thuốc lá, G nhận ma túy rồi cả hai rời đi, không nói chuyện gì. Sau khi nhận được bao thuốc lá chứa ma túy, G kiểm tra bên trong gồm có 02 túi zip nylon, 01 túi zip đựng 1,5 viên thuốc lắc và 01 túi zip nylon đựng Ketamine. Giàu mang số ma túy này về cất giấu tại phòng ngủ của G trên căn gác nhà C1 để sử dụng, số tiền mua ma túy G vẫn chưa trả cho T.

Qua công tác phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra/Công an TP Đ, ngày 02/6/2023, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 5/Quân khu 7 khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ngô Văn C1 tại khu tập thể Đ, Phường E, TP.Đ, tỉnh Lâm Đồng đã thu giữ nhiều đồ vật trong đó vật có liên quan đến hành vi mua bán ma túy của C1, T, G ngày 28/5/2023 bao gồm: 01 (một) túi zip kích thước (8x5) cm bên trong chứa: 01 viên thuốc nguyên vẹn và ½ (nửa) viên có màu xanh, 01 túi zip chứa chất tinh thể màu trắng, tất cả được niêm phong trong phong bì đánh số 03.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện các hành vi như cáo trạng đã nêu. Bị cáo Phạm Văn T cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội là do bị cáo được bị cáo C1 nhờ nên đã mua ma túy và đem bán lại cho G. Bị

cáo Ngô Văn Công K nhận do được G nhờ mua ma túy nên đã chủ động liên lạc với bị cáo T và dùng uy tín của mình để bị cáo T bán nợ ma túy cho G.

Người làm chứng Nguyễn Mạnh G khai tại biên bản phiên tòa ngày 13/11/2024: Vào ngày 28/5/2023, tôi biết Ngô Văn C1 có quen với đối tượng bán ma túy tên Phạm Văn T nên nhờ C1 mua nợ 1,5 viên ma túy loại Ketamine khối lượng 0,6341 gam và nửa hộp ma túy loại Ketamine có khối lượng 1,5395 gam để sử dụng; Công điện thoại liên lạc với T và nói “có gì bán chịu cho ông anh ít đồ, có gì ngày mai ông ấy trả tiền luôn”, sau đó C1 cho T số điện thoại của tôi để liên lạc giao ma túy; đến chiều cùng ngày, một thanh niên không rõ lai lịch đã liên lạc với tôi và giao trực tiếp số ma túy trên với giá 3.000.000 đồng.

Biên bản khám xét; Biên bản làm việc; Bản ảnh thể hiện: Khám xét nhà ở của Ngô Văn C1 tại Khu tập thể Đ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L, phát hiện tại tầng gác lửng có hộp gỗ kích thước (35x35x12)cm bên ngoài có chữ Sanmarzano, khi mở hộp phát hiện bên trong gồm có ba ngăn, tại ngăn ngoài cùng bên trái từ ngoài nhìn vào phát hiện một tờ giấy vệ sinh được vo xoắn lại bên trong có vật thể màu xanh nhạt hình tam giác đều, kích thước mỗi cạnh khoảng 0,9cm...một túi zip kích thước (8x5)cm bên trong chứa một viên thuốc nguyên vẹn và khoảng nửa viên tất cả đều màu xanh...một túi nilon có khóa zip màu trắng viền xanh, kích thước (2,9x2,9)cm bên trong chứa tinh thể màu trắng...01 túi zip nilon kích thước (8x4)cm bên trong chứa một viên thuốc màu xanh nhạt kích thước (0,3x0,3)cm không rõ hình dạng...xác định những đồ vật trên là của Nguyễn Mạnh G.

Kết luận giám định số 627/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng KTHS – Công an tỉnh L kết luận: Mẫu một viên nén và một mảnh viên nén màu xanh đậm (M12) được niêm phong trong phong bì đánh số (03) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,6341 gam, loại Ketamine. Mẫu tinh thể (M13) được niêm phong trong phong bì đánh số (03) gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,5395 gam, loại Ketamine.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS72 ngày 25/12/2024, Viện kiểm sát quân sự khu vực 72 đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T (B, B đen), Ngô Văn C1 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tranh luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh như trên. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn C1 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, tổng hợp hình phạt nhiều bản án đối với bị cáo Ngô Văn C1.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

- Phạm Văn T từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
- Ngô Văn C1 từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy: 1.0758 gam ma túy loại ketamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì được niêm phong, đánh số M13.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu vàng, không kiểm tra được số máy, số sê-ri, gắn thẻ sim V có 05 số cuối: 32576, kiểm tra số IMEI qua khe sim: 354741665989985; 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám bạc, gắn thẻ sim V có 05 số cuối: 28819, phía mặt lưng có dòng chữ Model A1634 FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C-E2944A

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho:

- Phạm Văn T: 01 (một) Căn cước công dân số: 034091008158 mang tên Phạm Văn T.

- Ngô Văn C1: 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám bạc, gắn thẻ sim bên trên có chữ one màu đỏ, phía mặt lưng có dòng chữ Model A1661 FCC ID: BCG-E3087A IC: 579C-E3087A.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn C1 không tranh luận gì, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt khi nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự khu vực 5 Quân khu 7, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 72, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa làm rõ các nội dung như: Những người phạm tội, nguyên nhân, điều kiện, thời gian, địa điểm, diễn biến các hành vi phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội ...

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Ngày 28/5/2023, Nguyễn Mạnh G biết Ngô Văn C1 là người có mối quan hệ xã hội rộng và có uy

tín nên G đã nhờ C1 mua nợ 3.000.000 đồng tiền ma túy loại Ketamine và thuốc lắc để sử dụng. C1 đồng ý và dùng điện thoại Iphone 6s Plus màu xám bạc, gắn thẻ sim số 0975241987 gọi cho Phạm Văn T (B, B đen) dùng điện thoại Iphone 12 Pro Max, có gắn thẻ sim số: 0981354822, để mua nợ ma túy giúp G và T đồng ý. T gọi điện cho G để trao đổi về loại ma túy, địa điểm giao, nhận ma túy. Sau khi thỏa thuận với G, T gọi điện thoại cho người bán để lấy ma túy như G muốn. Tình trả tiền ma túy cho người giao (không xác định được nhân thân lai lịch) là 2.500.000 đồng. Đến 20 giờ 36 phút, T gọi cho G để giao ma túy và nói địa điểm T đang đứng. Khi G đến điểm hẹn và T chạy xe mô tô đến đưa trực tiếp số ma túy này cho G, ma túy vẫn được để trong vỏ bao thuốc lá, G nhận ma túy rồi cả hai rời đi, không nói chuyện gì. Sau khi nhận được bao thuốc lá chứa ma túy, G kiểm tra bên trong gồm có 02 túi zip nylon, 01 túi zip đựng 1,5 viên thuốc lắc và 01 túi zip nylon đựng Ketamine. Giấu mang số ma túy này về cất giấu tại phòng ngủ của G trên căn gác nhà C1 để sử dụng, số tiền mua ma túy G vẫn chưa trả cho T. Kết luận giám định số 627/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng KTHS – Công an tỉnh L trong phong bì đánh số (03) gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có tổng khối lượng 2,1736 gam. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Văn T, Ngô Văn C1 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh của bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Phạm Văn T có hành vi mua ma túy sau đó bán lại cho người khác để hưởng lợi với tổng khối lượng ma túy loại Ketamine là 2,1736 gam. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; bị cáo Ngô Văn C1 đã dùng uy tín của mình, trực tiếp liên lạc, giúp sức cho bị cáo T bán ma túy cho Nguyễn Mạnh G. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo T.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Văn T có bố là Phạm Văn T1 được tặng Huân chương Kháng chiến Hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngô Văn C1 được tặng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì, ba và 02 danh hiệu chiến sĩ tiên tiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác” theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Ngô Văn C1 bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7 xử phạt 07 (bảy) năm tù về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 26/2024/HS-ST ngày 13/11/2024; Quyết định thi

hành án số 49/2024/QĐ-CA của Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 02/6/2023, bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Q khu vực miền N, Quân khu G. Nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Ngô Văn C1.

Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh hiện tại của các bị cáo hiện đang khó khăn nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, hình phạt chính là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt bổ sung không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 1.0758 gam ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì được niêm phong, đánh số M13: đây là ma túy dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy.

01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu vàng, không kiểm tra được số máy, số sê-ri gắn thẻ sim V có 05 số cuối: 32576, kiểm tra số IMEI qua khe sim: 354741665989985; 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám bạc, gắn thẻ sim V có 05 số cuối: 28819, phía mặt lưng có dòng chữ Model A1634 FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C- E2944A là công cụ mà các bị cáo dùng để trao đổi với nhau về việc mua bán ma túy, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) Căn cước công dân số: 034091008158 mang tên Phạm Văn T; 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám bạc, gắn thẻ sim bên trên có chữ one màu đỏ, phía mặt lưng có dòng chữ Model A1661 FCC ID: BCG-E3087A IC: 579C-E3087A của Ngô Văn C1 không liên quan đến vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Phạm Văn T, Ngô Văn C1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: B, B đen), Ngô Văn C1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 14/9/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Ngô Văn C1 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với thời hạn chấp hành hình phạt tù là 07 (bảy) năm tù của Bản án số 26/2024/HS-ST ngày 13/11/2024 của Tòa án quân sự khu vực Quân khu 7, bị cáo Ngô Văn C1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy: 1.0758 gam ma túy loại Ketamine còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì được niêm phong, đánh số M13.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu vàng, không kiểm tra được số máy, số sê-ri, gắn thẻ sim V có 05 số cuối: 32576, kiểm tra số IMEI qua khe sim: 354741665989985; 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám bạc, gắn thẻ sim V có 05 số cuối: 28819, phía mặt lưng có dòng chữ Model A1634 FCC ID: BCG-E2944A IC: 579C-E2944A

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho:

- Phạm Văn T: 01 (một) Căn cước công dân số: 034091008158 mang tên Phạm Văn T.

- Ngô Văn C1: 01 (một) điện thoại kiểu dáng Iphone màu xám bạc, gắn thẻ sim bên trên có chữ one màu đỏ, phía mặt lưng có dòng chữ Model A1661 FCC ID: BCG-E3087A IC: 579C-E3087A.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/12/2024 tại Cơ quan Thi hành án Quân khu G)

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc Phạm Văn T, Ngô Văn C1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/3/2025) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 7./.

Nơi nhận:

- TAQS.TW;
- VKSQSQK7;
- PTHA.QK7;
- CQTHA.QK7;
- VKSQS.KV72;
- ĐTHS.KV2;
- Bị cáo;
- Lưu HSTHA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

